



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

Cơ bản

ja

ty

on

ona

ono

my

vy

oni / ony

čo

kto

kde

prečo

ako

ktorý

kedy

potom

ak

naozaj

ale

pretože

nie

anh ấy

bạn

tôi

chúng tôi / chúng ta

nó

cô ấy

cái gì

họ

các bạn

tại sao

ở đâu

ai

lúc nào

cái nào

làm sao

thật sự

nếu

sau đó

không

bởi vì

nhưng

toto

to

všetko

alebo

a

tu

tam

vľavo

vpravo

teraz

popoludnie

dopoludnia

noc

ráno

večer

poludnie

polnoc

hodina
čas

minúta

sekunda

deň

tất cả

đó

này

đây

và

hoặc

phải

trái

đó

buổi sáng

buổi chiều

bây giờ

buổi tối

buổi sáng

ban đêm

giờ

nửa đêm

buổi trưa

ngày

giây

phút

týždeň

mesiac

rok

včera

dnes

zajtra

pondelok

utorok

streda

štvrtok

piatok

sobota

nedeľa

žena

muž

láska

priateľ

priateľka

kamarát

bozk

sex

năm

tháng

tuần

ngày mai

hôm nay

hôm qua

thứ tư

thứ ba

thứ hai

thứ bảy

thứ sáu

thứ năm

đàn ông

đàn bà

chủ nhật

bạn gái

bạn trai

tình yêu

tình dục

hôn

bạn

dieťa

dievča

chlapec

mama

tato

matka

otec

rodičia

syn

dcéra

mladšia sestra

mladší brat

staršia sestra

starší brat

manžel

manželka

každý

vždy

vlastne

znova

už

con trai

con gái

trẻ em

má

ba

mẹ

con trai

cha mẹ

cha

em trai

em gái

con gái

chồng

anh trai

chị gái

luôn luôn

mỗi / mọi

vợ

đã

lần nữa

thực ra

menej

najviac

viac

nikto

veľmi

vonku

vnútri

dáľeko

blízko

pod

nad

vedľa

vpredu

vzadu

všetci

spolu

iný

jar

leto

jeseň

zima

nhiều hơn

phần lớn

ít hơn

ở ngoài

rất

không có

gần

xa

ở trong

bên cạnh

bên trên

bên dưới

mọi người

phía sau

phía trước

mùa xuân

khác

cùng nhau

mùa đông

mùa thu

mùa hè

január

február

marec

apríl

máj

jún

júl

august

september

október

november

december

sever

východ

juh

západ

často

okamžite

odrazu

hoci

tháng ba

tháng hai

tháng một

tháng sáu

tháng năm

tháng tư

tháng chín

tháng tám

tháng bảy

tháng mười hai

tháng mười một

tháng mười

nam

đông

bắc

ngay lập tức

thường xuyên

tây

mặc dù

đột ngột

Số

nula

jeden

dva

tri

štyri

päť

šesť

sedem

osem

deväť

desať

jedenásť

dvanásť

trinásť

štrnásť

pätnásť

šestnásť

sedemnásť

osemnásť

devätnásť

dvadsať

2	1	0
5	4	3
8	7	6
11	10	9
14	13	12
17	16	15
20	19	18

dvadsaťjeden

dvadsaťdva

dvadsaťšesť

tridsať

tridsaťjeden

tridsaťtri

tridsaťsedem

štyridsať

štyridsaťjeden

štyridsaťštyri

štyridsaťosem

päťdesiat

päťdesiatjeden

päťdesiatpäť

päťdesiatdeväť

šesťdesiat

šesťdesiatjeden

šesťdesiatdva

šesťdesiatšesť

sedemdesiat

sedemdesiatjeden

26

22

21

33

31

30

41

40

37

50

48

44

59

55

51

62

61

60

71

70

66

sedemdesiattri

sedemdesiatsedem

osemdesiat

osemdesiatjeden

osemdesiatštyri

osemdesiatosem

deväťdesiat

deväťdesiatjeden

deväťdesiatpäť

deväťdesiatdeväť

sto

stojeden

stopäť

stodesať

stopäťdesiatjeden

dvesto

dvestodva

dvestošesť

dvestodvadsať

dvestošesťdesiatdva

tristo

80

77

73

88

84

81

95

91

90

101

100

99

151

110

105

206

202

200

300

262

220

tristotri

tristosedem

tristotridsať

tristosedemdesiattri

štyristo

štyristoštyri

štyristoosem

štyristoštyridsať

štyristoosemdesiatštyri

päťsto

päťstopäť

päťstodeväť

päťstopäťdesiat

päťstodeväťdesiatpäť

šesťsto

šesťstojedna

šesťstošesť

šesťstošestnásť

šesťstošesťdesiat

sedemsto

sedemstodva

330

307

303

404

400

373

484

440

408

509

505

500

600

595

550

616

606

601

702

700

660

sedemstosedem

sedemstodvadsaťsedem

sedemstosedemdesiat

osemsto

osemstotri

osemstoosem

osemstotridsaťosem

osemstoosemdesiat

deväťsto

deväťstoštyri

deväťstodeväťdesiat

deväťstoštyridsaťdeväť

deväťstodeväťdesiat

tisíc

tisícjeden

tisícdvanásť

tisícdvotridsaťštyri

dvetisíc

dvetisíc dva

dvetisíc dvadsaťtri

dvetisíc tristoštyridsaťpäť

770

727

707

808

803

800

900

880

838

949

909

904

1001

1000

990

2000

1234

1012

2345

2023

2002

tritisíc

tritisíctri

štyritisíc

štyritisícštyridsaťpäť

päťtisíc

päťtisícšesťstosedemdesiatosem

šesťtisíc

sedemtisíc

sedemtisícosemstodeväťdesiat

osemtisíc

osemtisícdeväťstojeden

deväťtisíc

deväťtisícdeväťdesiat

desaťtisíc

desaťtisícjeden

dvadsaťtisícdvadsať

tridsaťtisíctristo

štyridsaťštyritisíc

stotisíc

päťstotisíc

milión

4000

3003

3000

5678

5000

4045

7890

7000

6000

9000

8901

8000

10.001

10.000

9090

44.000

30.300

20.020

1.000.000

500.000

100.000

šesť miliónov

desať miliónov

sedemdesiat miliónov

sto miliónov

osemsto miliónov

miliarda

deväť miliárd

desať miliárd

dvadsať miliárd

sto miliárd

tristo miliárd

bilión

70.000.000

10.000.000

6.000.000

1.000.000.000

800.000.000

100.000.000

20.000.000.000

10.000.000.000

9.000.000.000

1.000.000.000.000

300.000.000.000

100.000.000.000

Động từ

vedieť

myslieť

prísť

položiť

vziať

nájsť

počúvať

pracovať

rozprávať

dať

mať rád

pomôcť

milovať

volať

čakať

stáť

sedieť

zatvoriť

otvoriť
dvere

prehrať

vyhrať

đến

nghĩ

biết

tìm

lấy

đặt

nói chuyện

làm việc

nghe

giúp đỡ

thích

cho

chờ đợi

gọi

yêu

đóng

ngồi

đứng

thắng

thua

mở

zomrieť

žiť

zapnúť

vypnúť

zabiť

zraniť

dotknúť sa

sledovať

piť

jesť

chodiť

stretnúť

staviť

pobozkať

nasledovať

oženiť sa

odpovedať

opýtať sa

ťaháť

potlačiť

stlačiť

bật

sống

chết

làm bị thương

giết

tắt

uống

xem

chạm

gặp

đi bộ

ăn

đi theo

hôn

đặt cược

hỏi

trả lời

cười

ấn

đẩy

kéo

udrieť

chytiť

bojovať

hádzať

bežať

čítať

písať

opraviť

počítať
1, 2, 3

strihať

predať

kúpiť

zaplatiť

študovať

snívať

spať

hrať

sláviť

užívať si

upratať

strieľať

chiến đấu

bắt

đánh

đọc

chạy

ném

đếm

sửa chữa

viết

mua

bán

cắt

mơ

học

trả

ăn mừng

chơi

ngủ

bắn

dọn dẹp

thưởng thức

brániť

zaútočiť

kradnúť

horieť

zachrániť

letieť

plávať

kopnúť

uhryznúť

dýchať

cítiť

plakať

spievať

usmievateľ sa

smiať sa

rásť

scvrknúť sa

hádať sa

zdieľať

kŕmiť

skryť

trộm

tấn công

bảo vệ

bay

cứu

đốt

cẩn

đá

khắc nhớ

khóc

ngủi

thở

cười

cười mỉm

hát

tranh luận

co lại

lớn lên

trốn

cho ăn

chia sẻ

varovať

plávať

skákať

zdvihnúť

kopať

doručiť

hľadať

precvičovať

cestovať

maľovať

otvoriť
záмка

zamknúť

umyť

modliť sa

variť
všeobecný

vracať

kričať

citovať

tlačiť

počítať
1+2

zarábať

nhảy

bơi

cảnh báo

giao hàng

đào

nâng

đi du lịch

luyện tập

tìm kiếm

khóa

mở

vẽ

nấu ăn

cầu nguyện

rửa

trích dẫn

la hét

nôn

kiếm tiền

tính toán

in

Tính từ

nový

starý
všeobecný

málo

veľa

nesprávny

správny

zlý
všeobecný

dobrý

šťastný

krátky

dlhý

malý
všeobecný

veľký

krásny

mladý

starý
človek

biely

čierny

červený

modrý

zelený

ít

cũ

mới

chính xác

sai

nhiều

hạnh phúc

tốt

xấu

nhỏ

dài

ngắn

trẻ

xinh đẹp

lớn

màu đen

màu trắng

già

màu xanh lá cây

màu xanh da trời

màu đỏ

žltý

pomalý

rýchly

smiešny

nespravodlivý

spravodlivý

náročný

jednoduchý

bohatý

chudobný

silný

slabý

bezpečný

unavený

hrdý

sýty

chorý

zdravý

nahnevaný

nízky

vysoký
všeobecný

nhanh

chậm

màu vàng

công bằng

không công bằng

vui vẻ

giàu

dễ

khó

yếu

khỏe

nghèo

tự hào

mệt mỏi

an toàn

khỏe mạnh

bệnh

no bụng

cao

thấp

tức giận

sladký

kyslý

mäkký

tvrdý

roztomilý

hlúpy
inteligencia

šialený

zaneprázdnený

vysoký
človek

malý
človek

ustarostený

prekvapený

dobře vychovaný

zlý
človek

múdry

chladný
počasie

horúci

oranžový

šedý

hnedý

ružový

mềm

chua

ngọt

ngu ngốc

đáng yêu

cứng

cao

bận rộn

điên khùng

ngạc nhiên

lo lắng

thấp

khéo léo

ác độc

cư xử tốt

màu cam

nóng

lạnh

màu hồng

màu nâu

màu xám

nudný

těžký

lehký

osamelý

hladný

smádný

smutný

strmý

plochý

úzký

široký

hlboký

plytký

obrovský

špinavý

čistý

plný

prázdný

drahý

lacný

sexy

nhẹ

nặng

nhàm chán

khát nước

đói bụng

cô đơn

bằng phẳng

dốc

buồn

sâu

rộng

hẹp

bẩn

lớn

nông

trống rỗng

đầy

sạch sẽ

quyến rũ

rẻ

đắt

lenivý

statočný

štedrý

mokrý

suchý

hlasný

pokojný

slniečny

daždivý

hmlistý

oblačný

hào phóng

dũng cảm

lười biếng

ồn ào

khô

ướt

nhiều mưa

nắng

yên tĩnh

nhiều mây

sương mù

Thể thao

gymnastika

tenis

beh

cyklistika

golf

futbal

basketbal

plávanie

potápanie

turistika

maratón

triathlon

stolný tenis

vzpieranie

box

bedminton

krasokorčuľovanie

snoubording

lyžovanie

bežecké lyžovanie

ľadový hokej

chạy

quần vợt

thể dục dụng cụ

bóng đá

đánh golf

đạp xe

lặn

bơi lội

bóng rổ

ba môn phối hợp

chạy marathon

đi bộ đường dài

quyền anh

cử tạ

bóng bàn

trượt ván tuyết

trượt băng nghệ thuật

cầu lông

khúc côn cầu trên băng

trượt tuyết băng đồng

trượt tuyết

volejbal

hádzaná

plážový volejbal

ragby

kriket

bejzbal

americký futbal

vodné pólo

skoky do vody

surfovanie

plachtenie

veslovanie

jóga

tanec

parašutizmus

šach

poker

kolky

balet

bóng chuyền bãi biển

bóng ném

bóng chuyền

bóng chày

bóng gậy

bóng rugby

nhảy cầu

bóng nước

bóng bầu dục Mỹ

chèo thuyền

đua thuyền buồm

lướt sóng

nhảy dù

khiêu vũ

yoga

bowling

đánh bài poker

cờ vua

múa ba lê

Động vật

prasa

krava

kôň

pes

ovca

opica

mačka

medveď

kura

kačica

motýľ

včela

ryba
zvierá

pavúk

had

tiger

myš
zvierá

zajac

lev

somár

slon

con ngựa

con bò

con lợn

con khỉ

con cừu

con chó

con gà

con gấu

con mèo

con ong

con bướm

con vịt

con rắn

con nhện

con cá

con thỏ

con chuột

con hổ

con voi

con lừa

con sư tử

holub

chrobák

komár

muchy

mravec

velryba

žralok

delfín

slimák

žaba

panda

řadový medvěd

vlk

koala

klokan

žirafa

líška

hroch

netopier

havran

labuť

con muỗi

con bọ

con chim bồ câu

con cá voi

con kiến

con ruồi

con ốc sên

con cá heo

con cá mập

con gấu Bắc cực

con gấu trúc

con ếch

con chuột túi

con gấu túi

con chó sói

con hà mã

con cáo

con hươu cao cổ

con thiên nga

con quạ

con dơi

čajka

sova

tučniak

papagáj

húsenica

vážka

kalmár

chobotnica

morský koník

tuleň

medúza

krab

dinosaurius

korytnačka
všeobecný

krokodíl

con chim cánh cụt

con cú

con chim hải âu

con chuồn chuồn

con sâu bướm

con vẹt

con cá ngựa

con bạch tuộc

con mực ống

con cua

con sứa

con hải cẩu

con cá sấu

con rùa cạn

con khủng long

Quốc gia

Európa

Ázia

Amerika

Afrika

Spojené kráľovstvo

Španielsko

Švajčiarsko

Taliansko

Francúzsko

Nemecko

Thajsko

Singapur

Rusko

Japonsko

Izrael

India

Čína

Spojené štáty americké

Mexiko

Kanada

Čile

Châu Mỹ

Châu Á

Châu Âu

Tây Ban Nha

Vương quốc Anh

Châu Phi

Pháp

Ý

Thụy sĩ

Singapore

Thái Lan

Đức

Israel

Nhật Bản

Nga

Hoa Kỳ

Trung Quốc

Ấn Độ

Chile

Canada

Mexico

Brazília

Argentína

Južná Afrika

Nigéria

Maroko

Líbya

Keňa

Alžírsko

Egypt

Nový Zéland

Austrália

Nam Phi

Argentina

Brazil

Libya

Ma Rốc

Nigeria

Ai Cập

Algeria

Kenya

Úc

New Zealand

Cơ thể

hlava

nos

vlas

ústa

ucho

oko

ruka

noha
topánka

srdce

mozog

krk

zadok

rameno

koleno

noha
všeobecný

paža

brucho

prsník

chrbát

zub

jazyk

tóc

mũi

đầu

mắt

tai

miệng

tim

bàn chân

bàn tay

mông

cổ

não

chân

đầu gối

vai

ngực

bụng

tay

lưỡi

răng

lưng

pera

prst

prst na nohe

žalúdok

pľúca

pečeň

nerv

oblička

črevo

čelo

brada

líce

fúzy

palec

malíček

prstenník

prostredník

ukazovák

necht

päta

chrbtica

ngón chân

ngón tay

môi

gan

phổi

dạ dày

ruột

thận

dây thần kinh

má

cằm

trán

ngón tay út

ngón cái

râu

ngón tay trỏ

ngón tay giữa

ngón tay đeo nhẫn

xương sống

gót chân

móng tay

sval

kosť
telo

kostra

rebro

stavec

močový mechúr

žila

tepna

vagína

spermia

penis

semenník

bộ xương

xương

cơ bắp

bàng quang

đốt sống

xương sườn

âm đạo

động mạch

tĩnh mạch

tinh hoàn

dương vật

tinh trùng

Ngôi nhà

dvere

kuchyňa

kúpeľňa

obývačka

spálňa

záhrada

garáž

stena

suterén

toaleta
domov

schody

strecha

okno
budova

nôž

hrnček

pohár
nápoj

tanier

šálka

odpadkový kôš

miska

pracovný stôl

phòng tắm

nhà bếp

cửa

vườn

phòng ngủ

phòng khách

tầng hầm

tường

gara

mái nhà

cầu thang

nhà vệ sinh

tách

dao

cửa sổ

cốc

đĩa

ly

bàn

tô

thùng rác

postel'

zrkadlo

sprcha

pohovka

obraz

hodiny

stôl

stolička

sused

výťah

balkón

podkrovie

komín

varecha

palička

príbor

lyžica

vidlička

naberačka

hrniec

panvica

vòi hoa sen

gương

giường

đồng hồ

ảnh

ghế sofa

hàng xóm

ghế

bàn

gác xếp

ban công

thang máy

đũa

muỗng gỗ

ống khói

nĩa

muỗng

bộ dao nĩa

chảo

nồi

cái vá

žiarovka

knižnica
domov

záclona

matrac

vankúš

deka

polica

šuplík

šatník

vedro

metla

váha

kôš na bielizeň

vaňa

osuška

mydlo

toaletný papier

uterák

umývadlo

rebrík

poštová schránka

rèm

giá sách

bóng đèn

chăn

gối

nệm

tủ quần áo

ngăn kéo

kệ

cái cân

chổi

xô

khăn tắm

bồn tắm

giỏ đựng đồ giặt

khăn tắm

giấy vệ sinh

xà phòng

hộp thư

cái thang

bồn rửa mặt

plot



hàng rào

Thức ăn

vajíčko

syr

mlieko

ryba
jedlo

mäso

kosť
jedlo

olej

chlieb

cukor

čokoláda

sladkosť

koláč

voda

káva

čaj

pivo

víno

šalát

polievka

dezert

raňajky

sữa

phô mai

trứng

xương

thịt

cá

đường

bánh mì

dầu

bánh bông lan

kẹo

sô cô la

trà

cà phê

nước

sa lát

rượu nho

bia

bữa ăn sáng

món tráng miệng

súp

obed

večera

pizza

zmrzlina

maslo

jogurt

tuniak

losos

šunka

slanina

klobása

morčacie

kuracie

hovädzie

bravčové

jahňacie

tekvica

huba

hl'uzovka

cesnak

pór

pizza

bữa tối

bữa trưa

sữa chua

bơ

kem

giăm bông

cá hồi

cá ngừ

thịt gà tây

xúc xích

thịt ba rọi

thịt heo

thịt bò

thịt gà

nấm

bí ngô

thịt cừu

tỏi tây

tỏi

nấm cục

zázvor

baklažán

sladký zemiak

mrkva

uhorka

čili paprička

paprika

cibuľa

zemiak

kariol

kapusta

brokolica

hlávkový šalát

špenát

bambus
jedlo

kukurica

zeler

hrášok

fazuľa

hruška

jablko

khoai lang

cà tím

gừng

ớt

dưa chuột

cà rốt

khoai tây

củ hành

ớt chuông

bông cải xanh

bắp cải

bông cải trắng

tre

rau chân vịt

xà lách

đậu Hà Lan

cần tây

ngô

quả táo

quả lê

hạt đậu

oliva

figa

datľa

kokos

mandľa

lieskový oriešok

arašid

banán

mango

kivi

avokádo

ananás

dyňa

hrozno

žltý melón

malina

čučoriedka

jahoda

čerešňa

slivka

marhuľa

quả chà là

quả sung

quả ô liu

hạt phỉ

quả hạnh nhân

quả dừa

quả xoài

quả chuối

đậu phộng

quả dưa

quả bơ

quả kiwi

dưa gang

quả nho

dưa hấu

quả dâu tây

quả việt quất

quả mâm xôi

quả mơ

quả mận

quả anh đào

broskyňa

citrón

grep

pomaranč

paradajka

mäta

citrónová tráva

škoric

vanilka

soľ

čierne korenie

kari

tabak

tofu

ocot

rezanec

sójové mlieko

múka

ryža

ovos

pšenica

quả bưởi

quả chanh

quả đào

bạc hà

cà chua

quả cam

vani

quế

sả

cà ri

tiêu

muối

giấm

đậu hũ

thuốc lá

bột mì

sữa đậu nành

mì sợi

lúa mì

yến mạch

gạo

sója

orech

med

džem

žuvačka

lievanec

sušienka

puding

mafin

šiška

energetický nápoj

pomarančový džús

jablkový džús

mliečny koktail

kola

horúca čokoláda

koktail

rum

whisky

vodka

jedálny lístok

mật ong

hạt

đậu nành

bánh kẹp

kẹo cao su

mút

bánh muffin

bánh pudding

bánh quy

nước cam

nước tăng lực

bánh rán vòng

coca cola

sữa lắc

nước táo

rượu rum

rượu cocktail

sô cô la nóng

thực đơn

rượu vodka

rượu whisky

morské plody

špagety

suši

pukance

čipsy

kuracie krídelká

hranolky

horčica

majonéza

paradajková omáčka

sendvič

párok v rožku

burger

sushi

mì Ý

hải sản

cánh gà

khoai tây lát mỏng

bắp rang bơ

sốt mayonnaise

mù tạt

khoai tây chiên

bánh mì kẹp xúc xích

bánh mì kẹp

nước sốt cà chua

bánh burger

Trường học

kniha

knižnica
budova

domáca úloha

skúška

hodina
škola

veda

dejepis

umenie

pero

ceruzka

prvý

druhý

tretí

štvrtý

výskum

stupeň

športové ihrisko

slovník

semester

zošit

geometria

bài tập về nhà

thư viện

sách

khoa học

bài học

bài thi

cây bút

nghệ thuật

lịch sử

thứ hai

thứ nhất

bút chì

nghiên cứu

thứ tư

thứ ba

từ điển

sân thể thao

bằng cấp

hình học

sổ tay

học kì

politika

filozofia

ekonomika

telesná výchova

biológia

matematika

zemepis

literatúra

chémia

fyzika

pravítko

guma

nožnice

lepiaca páska

lepidlo

guľôčkové pero

kancelárske sponky

tri percentá

sto percent

nula percent

meter kubický

kinh tế học

triết học

chính trị học

toán học

sinh học

giáo dục thể chất

hóa học

văn học

địa lý

cục tẩy

cái thước

vật lý

keo dán

băng dính

cái kéo

3%

kẹp giấy

bút bi

mét khối

0%

100%

meter štvorcový

míľa

meter

milimeter

centimeter

decimeter

sčítanie

odčítanie

násobenie

delenie

plocha

objem

obdĺžnik

štvorec

trojuholník

kruh

liter

mililiter

tona

kilogram

gram

mét

dặm

mét vuông

đề-xi-mét

xen-ti-mét

mi-li-mét

phép nhân

phép trừ

phép cộng

thể tích

diện tích

phép chia

tam giác

hình vuông

hình chữ nhật

mililít

lít

hình tròn

gram

kilôgam

tấn

magnet

mikroskop

lievik

laboratórium

prednáška

cái phễu

kính hiển vi

nam châm

bài giảng

phòng thí nghiệm

Thiên nhiên

popol

ohň
všeobecný

diamant

Mesiác

Slnko

hviezda

planéta

pobrežie

jazero

les

púšť

kopec

skala

rieka

údolie

hora

ostrov

oceán

more

ľad

sneh

kim cương

lửa

tro

ngôi sao

mặt trời

mặt trăng

hồ

bờ biển

hành tinh

đôi núi

sa mạc

rừng

thung lũng

con sông

đá

đại dương

đảo

núi

tuyết

băng

biển

búrka
všeobecný

dážď

vietor

strom

tráva

ružá

kvetina

kov

pôda

láva

uhlie

piesok

hlina

raketa

satelit

galaxia

asteroid

kontinent

rovník

južný pól

severný pól

gió

mưa

bão táp

hoa hồng

cỏ

cây

đất

kim loại

hoa

cát

than

dung nham

vệ tinh

tên lửa

đất sét

lục địa

tiểu hành tinh

thiên hà

Bắc cực

Nam cực

đường Xích đạo

potok

daždový prales

jaskyňa

vodopád

breh

ľadovec

zemetrasenie

kráter

sopka

atmosféra

povodeň

hmla

dúha

hrom

blesk

búrka
hrmenie

teplota

tajfún

hurikán

mrak

vetva

hang

rừng nhiệt đới

sưởi

sông băng

bờ biển

thác nước

núi lửa

miệng núi lửa

động đất

sương mù

lũ lụt

khí quyển

tia chớp

tiếng sấm

cầu vồng

bão nhiệt đới

nhiệt độ

cơn dông

cành cây

mây

bão

list
rastlina

koreň

kmeň

semienko

plast

oxid uhličitý

atóm

železo

kyslík

zlato

striebro

thân cây

rễ cây

lá cây

cacbon đioxit

nhựa

hạt giống

ôxy

sắt

nguyên tử

bạc

vàng

Giao thông

auto

autobus

vlak

vlaková stanica

autobusová zastávka

lietadlo

loď

nákladné auto

bicykel

motocykel

taxík

semafor

parkovisko

cesta

batéria

motor
auto

airbag

volant

bezpečnostný pás

pneumatika

zadný kufor

xe lửa

xe buýt

xe hơi

máy bay

trạm dừng xe buýt

ga xe lửa

xe đạp

xe tải

tàu

đèn giao thông

xe taxi

xe mô tô

ắc quy

đường

bãi đậu xe

vô-lăng

túi khí

động cơ

cốp sau

lốp xe

dây an toàn

automat na lístky

pokladňa
vlaková stanica

metro

vysokorýchlostný vlak

lokomotíva

električka

školský autobus

mikrobus

letisko

aerolína

helikoptéra

prvá trieda

ekonomická trieda

biznis trieda

záchranná vesta

kontajner

ponorka

výletná loď

kontajnerová loď

jachta

trajekt

tàu điện ngầm

phòng bán vé

máy bán vé

xe điện

đầu máy

tàu cao tốc

sân bay

xe buýt nhỏ

xe buýt trường học

hạng nhất

máy bay trực thăng

hãng hàng không

áo phao

hạng thương gia

hạng phổ thông

tàu du lịch

tàu ngầm

công ten nơ

phà

du thuyền

tàu chở hàng

prístav

záchranný čln

radar

pouličné osvetlenie

chodník

čerpacia stanica

stavenisko

prechod pre chodcov

dopravná zápcha

diaľnica

tank

bager

traktor

príves

skúter

lanovka

ra đũa

xuống cứu sinh

hải cảng

trạm xăng

vĩa hè

đèn đường

tắc đường

vạch qua đường

công trường

máy xúc

xe tăng

đường cao tốc

xe tay ga

rơ-moóc

máy kéo

xe cáp treo

Thành phố

nemocnica

škola

dom

účet

trh

supermarket

byt

univerzita

farma

kostol

reštaurácia

bar

telocvičňa

park

toaleta
všeobecný

mapa

sanitka

polícia

požiarnik

krajina

predmestie

nhà ở

trường học

bệnh viện

siêu thị

chợ

hóa đơn

nông trại

trường đại học

căn hộ

quán bar

nhà hàng

nhà thờ

nhà vệ sinh

công viên

phòng thể dục

cảnh sát

xe cứu thương

bản đồ

ngoại ô

quốc gia

lính cứu hỏa

dedina

záruka

obchodný dom

lekáreň

mrakodrap

hrad

ambasáda

synagóga

chrám

továreň

mešita

radnica

pošta

fontána

nočný klub

lavička

golfové ihrisko

futbalový štadión

plaváreň

tenisový kurt

informačné centrum

trung tâm mua sắm

bảo hành

ngôi làng

lâu đài

tòa nhà chọc trời

tiệm thuốc

ngôi đền

giáo đường Do Thái

đại sứ quán

tòa thị chính

nhà thờ Hồi giáo

nhà máy

câu lạc bộ đêm

đài phun nước

bưu điện

sân bóng đá

sân golf

băng ghế

thông tin du lịch

sân quần vợt

hồ bơi

kasíno

galéria

múzeum

národný park

suvenír

akvárium

tobogan

horská dráha

akvapark

zoo

ihrisko

núdzový východ

požiarny hlásič

hasiaci prístroj

policajná stanica

štát

región

hlavné mesto

bảo tàng

phòng triển lãm nghệ thuật

sòng bạc

thủy cung

quà lưu niệm

công viên quốc gia

công viên nước

tàu lượn siêu tốc

trượt nước

cửa thoát hiểm

sân chơi

vườn bách thú

đồn cảnh sát

bình cứu hỏa

chuông báo cháy

thủ đô

khu vực

tiểu bang

Bệnh viện

nehoda

pacient

chirurgia

pilulka

horúčka

kašeľ

pohotovosť

jednotka intenzívnej
starostlivosti

čakáreň

aspirín

prášky na spanie

dátum spotreby

dávkovanie

sirup proti kašľu

vedľajší účinok

inzulín

prášok

kapsula

vitamín

liek proti bolesti

antibiotiká

phẫu thuật

bệnh nhân

tai nạn

ho

sốt

viên thuốc

phòng chờ

khoa hồi sức tích cực

phòng cấp cứu

ngày hết hạn

thuốc ngủ

thuốc aspirin

tác dụng phụ

si-rô ho

liều lượng

viên nhộng

bột

insulin

kháng sinh

thuốc giảm đau

vitamin

baktéria

vírus

infarkt

hnačka

cukrovka

mŕtvica

astma

rakovina

chrípka

bolešť zubov

úpal

bolešť hrdla

bolešť brucha

infekcia

alergia

kŕč

bolešť hlavy

striekačka

barla

röntgen

ultrazvuk

đau tim

vi rút

vi khuẩn

đột quỵ

tiểu đường

tiêu chảy

cúm

ung thư

hen suyễn

viêm họng

cháy nắng

đau răng

dị ứng

nhiễm trùng

đau bụng

ống tiêm

đau đầu

chuột rút

máy siêu âm

chụp X quang

nặng

náplast'

invalidný vozík

sadra

pulz

zranenie

núdzový prípad

otras mozgu

popálenina

zlomenina

antikoncepcia

tehotenský test

bó bột

xe lăn

bó bột

cấp cứu

chấn thương

mạch

gãy xương

vết bỏng

chấn động

thử thai

thuốc tránh thai

Nghề nghiệp

doktor

zdravotná sestra

policajt

prezident

kapitán

detektív

pilot

profesor

učiteľ

právník

sekretárka

asistent

sudca

manažér

kuchár

taxikár

autobusár

modelka

umelec

premiér

lekárnik

cảnh sát

y tá

bác sĩ

thám tử

thuyền trưởng

tổng thống

giáo viên

giáo sư

phi công

trợ lý

thư ký

luật sư

đầu bếp

quản lý

thẩm phán

người mẫu

tài xế xe buýt

tài xế taxi

dược sĩ

thủ tướng

nghệ sĩ

hasič

zubár

podnikateľ

politík

programátor

letuška

vedec

učiteľka v škôlke

architekt

účtovník

konzultant

prokurátor

generálny riaditeľ

bodygard

hostinský

časník

ochranka

vojak

rybár

upratovač

inštalatér

doanh nhân

nha sĩ

lính cứu hỏa

tiếp viên hàng không

lập trình viên

chính trị gia

kiến trúc sư

giáo viên mầm non

nhà khoa học

công tố viên

tư vấn viên

kế toán viên

chủ nhà

vệ sĩ

tổng quản lý

bộ đội

nhân viên bảo vệ

bồi bàn

thợ sửa ống nước

nhân viên vệ sinh

ngư dân

elektrikár

poľnohospodár

recepčný

poštár

pokladník

kaderník

autor

novinár

fotograf

plavčík

spevák

hudobník

herec

reportér

tréner

rozhodca

lễ tân

nông dân

thợ điện

thợ làm tóc

thu ngân

người đưa thư

nhiếp ảnh gia

nhà báo

tác giả

nhạc sĩ

ca sĩ

nhân viên cứu hộ

huấn luyện viên

phóng viên

diễn viên

trọng tài

Kinh doanh

peniaze

kancelária

stres

poistenie

personál

oddelenie

plat

adresa

list
pošta

telefónne číslo

url

emailová adresa

webová stránka

email

podpis

strata

zisk

zákazník

čiastka

kreditná karta

heslo

áp lực

văn phòng

tiền

bộ phận

nhân viên

bảo hiểm

lá thư

địa chỉ

lương

địa chỉ email

url

số điện thoại

chữ ký

thư điện tử

trang mạng

khách hàng

lợi nhuận

thua lỗ

mật khẩu

thẻ tín dụng

số tiền

bankomat

daň

zasadacia miestnosť

vizitka

IT

ľudské zdroje

právne oddelenie

účtovníctvo

marketing

predaj

kolega

zamestnávateľ

zamestnanec

poznámka

prezentácia

fascikel

pečiatka

projektor

balíček
pošta

známka

obálka

phòng họp

thuế

máy rút tiền

nhân sự

công nghệ thông tin

danh thiếp

tiếp thị

kế toán

bộ phận pháp lý

người sử dụng lao động

đồng nghiệp

bán hàng

thuyết trình

chú thích

nhân viên

máy chiếu

con dấu cao su

bìa cứng

phong bì

con tem

bưu kiện

prehliadač

investícia

burza cenných papierov

bankovka

minca

úrok

pôžička

číslo účtu

bankový účet

sàn giao dịch chứng khoán

đầu tư

trình duyệt

tiền lãi

tiền xu

tiền giấy

tài khoản ngân hàng

số tài khoản

khoản vay

Thiết bị

telefón

televízor

fotoaparát

rádio

ventilátor

klimatizácia

kávovar

hriankovač

vysávač

fén

kanvica

umývačka riadu

sporák

rúra

mikrovlnka

chladnička

práčka

ovládač

slúchadlo

myš
laptop

klávesnica

máy ảnh

bộ tivi

điện thoại

máy điều hòa

quạt

đài radio

máy hút bụi

máy nướng bánh mì

máy pha cà phê

máy rửa chén

ấm đun nước

máy sấy tóc

lò vi sóng

lò nướng

bếp điện

điều khiển từ xa

máy giặt

tủ lạnh

bàn phím

chuột

tai nghe

pevný disk

USB kľúč

skener

tlačiareň

obrazovka

laptop

robot

reproduktor

máy quét

thanh USB

ổ cứng

máy tính xách tay

màn hình

máy in

loa

rô bốt